

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 32/ 2019/HNGĐ- ST

Ngày: 14/10/2019.

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý

Bà Nguyễn Thị Tin

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lành- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 239/2019/TLST- HNGĐ ngày 11/9/2019 về “ *Tranh chấp HN&GD*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1974 (có mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Tuấn Th, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố Kh, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/9/2019, được bổ sung bằng lời khai sau này nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ch trình bày: Chị và anh Th kết hôn năm 1991, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, năm 2015 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Th thường xuyên rượu chè, say xỉn và đánh chửi vợ. Nhiều lần chị khuyên bảo, anh Th hứa thay đổi, nhưng không có kết quả mà ngày càng nghiện rượu. Tháng 7 năm 2019 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình không dàn xếp. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Minh Th1, sinh 19/9/1999 và Hoàng Thị L, sinh 15/11/1994, các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng có 01 nhà 02 tầng làm trên diện tích 489m² đất ở tại tổ dân phố Kh, thị trấn T, huyện Y. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị Ch xác định không có nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Tuấn Th là bị đơn trình bày: Về thủ tục kết hôn anh đồng ý với trình bày của chị Ch, anh trình bày thêm tháng 7/2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Ch đi hợp tác lao động ở Đài Loan về nước không về nhà mà đi đâu làm gì thời gian 01 tuần anh không rõ, anh liên lạc qua điện thoại không có kết quả. Sau khi chị Ch về, anh tức giận có tát chị Ch mấy cái. Chị Ch bỏ về nhà bố mẹ để từ đó đến nay. Thỉnh thoảng anh uống rượu, nhưng không nghiện, nguyên nhân anh uống rượu là do buồn chán vì anh không đồng ý cho chị Ch đi hợp tác lao động nước ngoài, nhưng chị Ch vẫn đi, anh không bao giờ uống rượu đánh vợ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Ch xin ly hôn anh không đồng ý. Đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Minh Th1, sinh 19/9/1992 và Hoàng Thị L, sinh 15/11/1994, các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng. Nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp anh Th xác định không có nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 8 Điều 28, các Điều 35, 39, 271, 273. khoản 4 Điều 147 BLTTDS, áp dụng các Điều 9,14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Ch và anh Th là vợ chồng
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.
- Kiến nghị khắc phục: Tòa án chuyển hồ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu chậm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ch và anh Th chung sống với nhau tháng 9 năm 1991, trên cơ sở tự nguyện không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn

nhân và gia đình. Sau khi chung sống vợ chồng hạnh phúc, năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th thường xuyên rượu chè, say xỉn và đánh chửi chị Ch. Anh Th như vậy chị Ch khuyên bảo nhiều lần không sửa chữa mà ngày càng nghiện rượu hơn. Tháng 7 năm 2019 chị Ch bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Tòa án nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp:

- Tư pháp thị trấn T cung cấp năm 2007 xã T tách thành xã T và thị trấn T. Hiện Ủy ban nhân dân thị trấn T chỉ lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn từ năm 2007 đến nay, kiểm tra các sổ còn lưu giữ không có trường hợp nào là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1974 và Hoàng Tuấn Th, sinh năm 1972 có đăng ký kết hôn.

- Tư pháp xã T cung cấp: Kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ các sổ từ năm 1991 đến nay không có trường hợp nào là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1974 và Hoàng Tuấn Th, sinh năm 1972 có đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế chị Ch và anh Th chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay không có kết hôn, nay chị Ch có yêu cầu ly hôn, áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị Ch và anh Th là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Hoàng Minh Th1, sinh 19/9/1992 và Hoàng Thị L, sinh 15/11/1994, các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng. Nay ly hôn chị Ch anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác chị Chuyên và anh Thực không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị Ch phải chịu 300.000đ án phí DSST.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 8 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ch và anh Hoàng Tuấn Th là vợ chồng.

Về con chung, tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Ch phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số

AA/2018/0004024 ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chi Ch đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y(02b);
- Chi cục THADS huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp thị trấn T.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hương